

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/DS-ST
Ngày 16-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 126/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân MB.

Địa chỉ trụ sở: 16A Tôn Đức Thắng, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bằng Quốc V, sinh năm 1968, chức vụ: Phó Giám đốc Quỹ tín dụng MB, theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2018 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp Khánh Châu, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bị đơn là Nguyễn Kim Long, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Ấp Khánh Châu, xã KH, huyện C, tỉnh An Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 13/7/2019.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn U, sinh năm 1976 (có mặt).

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Hưng, xã Mp, huyện C, tỉnh An Giang.

- + Ông Lê Văn P, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).
- + Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).
- + Ông Lê Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Hưng, xã Mp, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân MB ông Bằng Quốc V trình bày:

* Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân MB trình bày: Vào ngày 16/12/2015, anh Nguyễn Trọng Q với Quỹ tín dụng nhân dân MB ký Hợp đồng tín dụng số: TC0400330/HĐTD ngày 16/12/2015 để vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 16/12/2015 đến ngày 16/12/2016), lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng, hình thức trả vốn, lãi cuối kỳ, mục đích vay mua máy Kobe và thuê đất.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên anh Nguyễn Trọng Q đã thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH05941, diện tích 5.000m², thửa đất số 1661, tờ bản đồ số 4, đất chuyên trồng lúa nước, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/12/2015 do anh Nguyễn Trọng Q đứng tên; đất tọa lạc xã Mỹ Đức, huyện C, tỉnh An Giang, theo hợp đồng thế chấp số: TC0400330/HĐTC ngày 16/12/2015

Từ khi vay vốn đến nay, anh Nguyễn Trọng Q chưa trả lãi và vốn. Nay Quỹ tín dụng nhân dân MB yêu cầu anh Nguyễn Trọng Q có trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân MB số tiền 226.575.000 đồng (trong đó vốn 150.000.000 đồng, lãi 76.575.000 đồng, lãi tạm tính đến ngày 01/02/2019) và yêu cầu tiếp tục chịu lãi phát sinh trên Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 02/02/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ và yêu cầu anh Q phải trả toàn bộ án phí.

Ngoài ra, Quỹ tín dụng còn yêu cầu duy trì Hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trường hợp ông Q không thanh toán được số tiền vốn, lãi, cùng lãi phát sinh thì Quỹ tín dụng nhân dân MB yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền nợ tại thời điểm thanh toán.

Còn việc quan hệ chuyển nhượng giữa ông P, ông U và ông Q thì Quỹ tín dụng không biết. Khi thực hiện cho vay Quỹ tín dụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng Q là ông Nguyễn Kim Long trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Quỹ tín dụng về quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, số tiền nợ vay, đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng,

đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án. Thực chất, ông Q chỉ là người đứng tên hộ để ông P vay tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn U, Lê Thị H trình bày: Ngày 08 tháng 02 năm 2012, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị K, diện tích đất 5.000m², tọa lạc tại Kinh 3, xã Mỹ Đức, huyện C, tỉnh An Giang, với số tiền 40.000.000 đồng/công x 05 công = 200.000.000 đồng, có giấy tờ chuyển nhượng có sự làm chứng của ông Võ Văn Thuận trưởng ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện C, tỉnh An Giang. Anh chị chỉ canh tác được 03 năm, từ năm 2015 anh chị cho ông Lê Văn L cõ, giá 100.000.000 đồng/05công/02năm, đến năm 2017 đã hết hạn hợp đồng cõ nhưng do anh chị không có tiền chuộc nên vẫn để cho ông L tiếp tục canh tác. Yêu cầu ông P tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và làm thủ tục sang tên cho anh chị. Việc vay nợ giữa ông Q và Quỹ tín dụng MB thì anh không ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn L trình bày: Thống nhất lời trình bày của U về hợp đồng cầm cõ và quá trình thực hiện hợp đồng. Ông và U sẽ thương lượng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn P trình bày: Do tôi thiếu nợ một tổ chức tín dụng khác, nên tôi có nhờ Q thực hiện thủ tục vay tiền giùm. Ông thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng U, ông yêu cầu trả 01 tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu không tính lãi.

Tại phiên tòa Quỹ tín dụng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc ông Nguyễn Trọng Q phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng số tiền nợ vốn, lãi tính đến này 16/7/2019 là 1.387.082.053 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên số vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Nhân, bà Yên Đơn, người liên quan ông Thi, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Trọng Q có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân MB để vay số tiền 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận nợ vốn, lãi như Quỹ tín dụng đã trình bày và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Quỹ tín dụng. Qua đó, cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Quỹ tín dụng với ông Q là thực tế xảy ra. Giao dịch giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện

thỏa thuận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Quỹ tín dụng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Quỹ tín dụng với ông Q ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có đăng ký giao dịch đảm bảo, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch nên Quỹ tín dụng yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng tín dụng số: TC0400330/HĐTD ngày 16/12/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TC0400330/HĐTC ngày 16/12/2015; Giấy đề nghị vay vốn ngày 15/12/2015; P án kinh doanh dịch vụ xói đất ngày 15/12/2015; Tờ cam kết trả nợ ngày 13/4/2018; Tờ cam kết trả nợ ngày 11/7/2018; Biên bản làm việc ngày 11/7/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 19/7/2018;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì phát hiện diện tích 5.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02314 ngày 14/9/2010; CH05941, diện tích 5.000m², thửa đất số 1661, tờ bản đồ số 4, đất chuyên trồng lúa nước, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/12/2015 do anh Nguyễn Trọng Q đứng tên. Hiện nay phần đất này là của ông P, ông P nhờ ông Q đứng tên giùm, ông P đã chuyển nhượng cho ông U, ông U đang cố cho ông L. Tòa án đã đưa ông U, ông P, ông L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết chung nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tuy nhiên, những người liên quan này đều có ý kiến trình bày không tranh chấp với nhau và không có ý kiến

về việc tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Nhân, bà Yên Đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.3] Về áp dụng luật giải quyết tranh chấp: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Quý tín dụng với ông Nguyễn Trọng Q vào năm 2015 - thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên chưa được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng luật chung là Bộ luật Dân sự năm 2015 và luật chuyên ngành là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Trọng Q có ký Hợp đồng tín dụng số: TC0400330/HĐTD ngày 16/12/2015 để vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 16/12/2015 đến ngày 16/12/2016), lãi suất trong hạn là 1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng, hình thức trả vốn, lãi cuối kỳ, mục đích vay mua máy Kobe và thuê đất. Từ khi vay đến nay ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Quỹ tín dụng đã chuyển nợ quá hạn. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu ông Nhân, bà Yên Đơn phải trả toàn bộ số tiền vốn lãi tính đến ngày 20/6/2019 là 1.387.082.053 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 16/7/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ. Đồng thời, Quỹ tín dụng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để phát mãi tài sản thi hành án. Bị đơn ông Q đồng ý trả nợ và duy trì các hợp đồng thế chấp theo yêu cầu của Quỹ tín dụng.

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số: TC0400330/HĐTD ngày 16/12/2015, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa ông Q với Quỹ tín dụng đã được ông Q thừa nhận, cho thấy việc ký kết hợp đồng là có thật và ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Quỹ tín dụng yêu cầu thanh toán vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị đơn cũng thừa nhận nợ, đồng ý thanh toán nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 145/2017-TC0400330/HĐTC ngày 16/12/2015, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp này được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi

phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số: 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Quỹ tín dụng yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 300.000 đồng. Ông Quy vi phạm nghĩa vụ ông Q phải chịu, do Quỹ tín dụng tạm ứng đủ, nên ông Q phải trả lại số tiền này cho Quỹ tín dụng.

Lẽ ra, bị đơn ông Nhân, bà Yên Đơn vi phạm nghĩa vụ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn đã tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Nguyễn Trọng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Quỹ tín dụng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 385, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân MB đối với ông Nguyễn Trọng Q.

- Buộc ông Nguyễn Trọng Q có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân MB số tiền vốn, lãi tính đến ngày 16/7/2019 là 1.387.082.053 đồng.

- Ông Nguyễn Trọng Q còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc 150.000.000 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: TC0400330/HĐTD ngày 16/12/2015 mà các bên đã ký kết kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ.

- Duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 145/2017-TC0400330/HĐTC ngày 16/12/2015 cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp ông Nguyễn Trọng Q không thanh toán được toàn bộ số tiền vốn, lãi thì Quỹ tín dụng nhân dân MB được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 300.000 đồng, ông Q phải trả lại cho Quỹ tín dụng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng Q phải liên đới chịu 53.612.462 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân MB được nhận lại 5.295.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0010022 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi